

MI-LI-MÉT

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được đơn vị đo độ dài mi-li-mét: tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn.
- Thực hiện được việc ước lượng và đo độ dài bằng thước có chia vạch mi-li-mét.
- Làm quen với việc giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến các đơn vị đo độ dài. Sử dụng mối quan hệ giữa các đơn vị mi-li-mét và mét; mi-li-mét và đề-xi-mét; mi-li-mét và xăng-ti-mét để chuyển đổi đơn vị đo.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: thước có chia vạch đến mi-li-mét, các mảnh giấy cho bài Thực hành 1.

HS: thước có chia vạch đến mi-li-mét.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi ĐỐ BẠN

GV: Đọc số đo với đơn vị đo đề-xi-mét.

HS: Đổi sang xăng-ti-mét (bảng con).

Hoặc ngược lại.

HS tiếp tục chơi.

(HS thay nhau đố cả lớp hoặc chơi theo nhóm đôi - hai em đố nhau.)

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Nhu cầu xuất hiện đơn vị đo

GV chỉ ra vài vật cần đo. (GV có thể phát cho HS các mảnh giấy như bài học.)

Ví dụ: chiều dài các mảnh giấy, bề dày cuốn sách, chiều rộng que tính, ...

- Yêu cầu: HS chọn đơn vị đo cho phù hợp.

Ví dụ:

- Đo theo đơn vị xăng-ti-mét: có mảnh giấy quá ngắn hoặc quá bé, có thể gắn bằng 1 cm hoặc dài hơn 3 cm; ...
- Đo bằng lòng tay hay ngón tay thì không thể biết được số đo chính xác vì tay của từng người khác nhau.

...

- GV nêu nhu cầu xuất hiện đơn vị đo mới: Muốn đo được độ dài các đồ vật này phải sử dụng một đơn vị đo mới bé hơn xăng-ti-mét để thuận tiện khi đo.

2. Giới thiệu đơn vị mi-li-mét

- **Tên gọi:** Đơn vị đo mới đó chính là mi-li-mét.

Mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài (cả thế giới đều dùng). HS đọc: mi-li-mét (nhiều lần).

- **Kí hiệu:** viết tắt là mm, đọc là mi-li-mét.

Tập viết số đo theo mi-li-mét

GV viết số đo lên bảng - HS nhận xét cách viết.

Ví dụ: 1 mm → viết số "1" cách một nửa con chữ o viết hai chữ "mm".

→ HS viết trên bảng con: 1 mm → đọc: một mi-li-mét.

GV đọc - HS viết trên bảng con.

Ví dụ: 5 mm; 10 mm; 15 mm; ...

- Độ lớn

• GV yêu cầu HS quan sát thước có chia vạch mi-li-mét, dùng đầu cây bút chì di chuyển trên thước, trên khoảng cách giữa hai vạch mi-li-mét để **cảm nhận** về độ lớn của mi-li-mét.



GV gợi ý cho HS nhìn trên thước có vạch chia mi-li-mét để xác định 1 cm dài bao nhiêu mi-li-mét → HS đếm.

GV giới thiệu độ lớn của mi-li-mét: 1 cm = 10 mm, 10 mm = 1 cm.

Giới thiệu cách đo độ dài bằng thước có chia vạch mi-li-mét

- **Cắm thước:** Các số ở phía trên, số 0 phía ngoài cùng, bên trái.

- **Đặt thước:** **Vạch 0** của thước trùng với một đầu của mảnh giấy. Mép thước sát mép mảnh giấy. (Luôn kiểm tra xem có đặt đúng thước theo hai yêu cầu trên không.)

- **Đọc số đo:** Đầu còn lại của mảnh giấy trùng vạch nào trên thước thì đọc số đo theo vạch đó (xăng-ti-mét hoặc mi-li-mét).

- **Viết số đo.**

3. Thực hành

Bài 1: Nhận biết độ lớn của 1 mm

- HS (nhóm bốn) **thảo luận, nhận biết** độ lớn của 1 mm.

HS quan sát các mảnh giấy.

- GV nêu yêu cầu:

a) Đo độ dài các mảnh giấy.

b) Tính tổng độ dài ba mảnh giấy.

- HS thảo luận, tìm cách thực hiện các yêu cầu.

a) HS đo.

GV lưu ý HS đặt thước đo sao cho vạch 0 của thước trùng với một đầu của mảnh giấy, mép thước sát mép mảnh giấy.

b) Tính tổng độ dài các mảnh giấy.

- HS **trình bày**, có thể thao tác trực tiếp trên thước.

GV có thể cho HS đo liên tiếp các mảnh giấy để kiểm tra kết quả đã tính ở câu b.

Bài 2: Quan hệ giữa mi-li-mét với mét, đề-xi-mét

HS (nhóm bốn) **thảo luận, nhận biết** quan hệ giữa mi-li-mét với đề-xi-mét và mét.

- GV gợi ý cho HS nhìn trên thước có vạch chia mi-li-mét để xác định 1 dm dài bao nhiêu xăng-ti-mét, bao nhiêu mi-li-mét; 1 m dài bao nhiêu đề-xi-mét, bao nhiêu mi-li-mét.

- HS **đếm**.

- HS **trình bày**, có thể thao tác trực tiếp trên thước.

- Sau khi sửa bài, GV cho HS mở SGK trang 22, cùng đếm theo hình vẽ.

10, 20, 30, ..., 100 mi-li-mét \rightarrow 1 dm = 100 mm.

100, 200, 300, ..., 1 000 mi-li-mét \rightarrow 1 m = 1 000 mm.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- Nhóm hai HS **tìm hiểu bài, nhận biết:**

• Yêu cầu của bài: **Số?**

• Tìm thế nào? (Chuyển đổi đơn vị đo.)

- Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS diễn/nói).

Lưu ý: HS có thể đổi đơn vị như sau:

Ví dụ: 5 cm = ? mm

HS nói: 1 cm = 1 chục mm

5 cm = 5 chục mm

Vậy: 5 cm = 50 mm.

Bài 2:

- Nhóm hai HS **tìm hiểu bài, nhận biết:**

• Yêu cầu của bài: **Số?**

• Tìm thế nào? (Chuyển đổi đơn vị đo rồi tính.)

- Sửa bài, GV cũng có thể cho hai HS sửa bài trên bảng lớp (1 HS / bài), khuyến khích HS nói cách làm (ví dụ: đổi xăng-ti-mét sang mi-li-mét rồi nhân để tìm số hạng chưa biết).

Bài 3:

- GV giúp HS **xác định** độ lớn của 1 mm, 1 cm, 1 dm hay 1 m.

- HS nhóm bốn **tìm hiểu bài, nhận biết** cách ước lượng.

Ví dụ:

Chiếc bút chì dài khoảng 15 cm.

Nếu 15 mm tức là 1 cm và 5 mm, HS nhìn khoảng cách 15 mm trên cây thước: ngắn quá, không cầm để viết được.

Nếu 15 cm: khoảng 1 gang tay, hợp lí. Chọn 15 cm.

– HS **thực hiện**.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

Ví dụ: Chiếc bút chì dài khoảng 15 cm, không thể dài 15 m (dài hơn chiều dài phòng học); không thể dài 15 dm (khoảng 1 sải tay em) hay không thể dài 15 mm (khoảng 1 đốt ngón tay em).

Bài 4:

– Nhóm hai HS **tim hiểu** bài, **nhận biết**:

• Yêu cầu của bài: **So sánh** chiều dài con kiến (trong hình vẽ) với **1 cm**.

• Tìm thế nào? (Ước lượng rồi đo.)

– Sửa bài, GV có thể cho HS chọn từ (lớn hơn, bé hơn hay bằng) rồi viết ra bảng con. GV cho HS giơ bảng và gọi vài HS giải thích lí do chọn từ đó.

CỦNG CỐ

GV viết số đo với đơn vị đo mi-li-mét – HS đọc (hoặc ngược lại).

GV có thể viết số đo với đơn vị mét, đề-xi-mét, xăng-ti-mét lên bảng lớp, yêu cầu HS chuyển đổi đơn vị đo sang mi-li-mét (bảng con), ...

HÌNH TAM GIÁC. HÌNH TỨ GIÁC

(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Ôn tập: đọc tên điểm, đoạn thẳng, dãy hình theo quy luật.

– Giới thiệu các yếu tố **đỉnh**, **cạnh**, đọc tên hình.

– **Nhận biết**: hình tam giác, hình tứ giác qua trực giác và qua việc mô tả số đỉnh và số cạnh.

– Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến việc gọi tên hình.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: hình vẽ mục Đất nước em (nếu cần).